

Nguồn tư liệu

Công trình biên soạn “*Lịch sử 33 năm cuối cùng của vương quốc Champa*” hoàn toàn dựa trên biên niên sử của tiểu vương quốc Panduranga và văn bản cổ viết bằng tiếng Chăm mà những chuyên gia lịch sử chưa bao giờ biết đến. Văn bản Chăm tập trung vào khoảng 40 tập được trình bày dưới ba hình thức :

- Văn bản cổ nguyên gốc
- Văn bản cổ chụp ảnh
- Văn bản microfilm chụp lại từ nguyên gốc.

Tất cả những tư liệu này hiện đang lưu trữ trong thư viện của Viện Viễn Đông Pháp (EFEO), Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris), Trung Tâm Lịch Sử và Nền Văn Minh Bán Đảo Đông Dương (CHCPI). Tiếp đến, chúng tôi cũng sử dụng những biên niên sử Việt Nam để đối chiếu lại những gì đã nêu ra trong tư liệu viết bằng tiếng Chăm, nhằm so sánh những sự kiện đã xảy ra hay bổ sung những chi tiết quan trọng do tư liệu bằng tiếng Chăm cung cấp. Biên niên sử Việt Nam tập trung gần 20 tác phẩm, cấu thành nguồn tư liệu lớn mà chúng tôi sử dụng để viết đề tài nghiên cứu này. Đây là nguồn tư liệu lịch sử rất quen thuộc đối với những nhà nghiên cứu ở Việt Nam, vì đa số tư liệu viết bằng tiếng Hán và tiếng Nôm đã dịch sang quốc ngữ và được ấn hành thành sách. Trong số đó, có 3 quyển được dịch sang tiếng Pháp.

Bên cạnh tư liệu viết bằng tiếng Chăm và biên niên sử Việt Nam, chúng tôi cũng sử dụng những tác phẩm và bài khảo luận viết bằng tiếng Anh, Pháp, Việt đã đăng tải trên báo chí khoa học. Tuy nhiên, chúng tôi phải loại bỏ những bài viết lách không có giá trị khoa học và chỉ giữ lại những tư liệu có

Nguồn tư liệu

chất lượng thật sự về mặt nghiên cứu mà nội dung đã đứng vững trước những phê bình của các chuyên gia lịch sử. Ngoài ra chúng tôi cũng loại bỏ những tư liệu lập đi lập lại những gì mà các sử gia Đông Nam Châu Á đã viết về khu vực này.

Biên niên sử Panduranga được sử dụng trong công trình nghiên cứu của chúng tôi tập trung 33 văn bản viết bằng tiếng Chăm ở Việt Nam, không có ngày tháng, không đề nơi xuất xứ và cũng không có tên của tác giả, ngoại trừ vài 3 tác phẩm có ghi tên người sao lại. Đây không phải là trường hợp đặc biệt, vì hầu hết các tác phẩm viết bằng tiếng Chăm không bao giờ có niên đại hay tác giả của tác phẩm. Tổng số 33 văn bản này chia làm 2 nhóm:

Nhóm thứ nhất tập trung 2 tác phẩm mang mã số CAM MICROFILM 17 (1) và CM 29 (1). Đây là tư liệu cơ bản liên quan trực tiếp với thời kỳ mà chúng tôi đang nghiên cứu, vì nội dung của 2 tư liệu này trình bày những biến cố đã xảy ra trong vương quốc Champa từ năm 1802 đến 1835. Chính vì thế, chúng tôi quyết định giới thiệu và phiên dịch ra tiếng Pháp 2 tư liệu này để làm phần phụ lục của tác phẩm “*Lịch sử 33 cuối cùng của vương quốc Champa*”.

Nhóm thứ hai tập trung những tác phẩm còn lại thường nêu ra những biến cố có liên hệ với thời kỳ nghiên cứu của chúng tôi từ 1802-1835. Tác phẩm mà chúng tôi quan tâm đầu tiên gồm có: CAM 58 (3), CAM MICROFILM 1 (3), CAM MICROFILM 14 (3), CAM MICROFILM 16 (1), CAM MICROFILM 56 (8), CAM MICROFILM 66(1), CM 22 (2), CM 22 (2), CM 23 (7), CM 25 (4). Đây là tư liệu chính thức do chính quyền Champa ra lệnh cho quan lại biên soạn mà nội dung chỉ đề cập đến những gì đã xảy ra trước ngày lên ngôi của vua Gia Long vào năm 1802. Ngược lại, văn bản CAM 29 (4) và CAM 60 (3) là hai tư liệu do trí thức Chăm sáng tác mang tính cách ký sự của cá nhân liên quan đến tình hình Champa vào những năm 1832-1833. Trong khi đó, CAM 198 (1), CAM MICROFILM 66 (2), CM 24 (5), CM 26 (14), CM 32 (6), cũng là ký sự cá nhân nhưng ghi lại những biến cố đã

Nguồn tư liệu

xảy ra vào những năm 1834-1835. Cuối cùng CAM 31 (1), CAM 72 (8), CAM 102 (9), CAM 152 (2), PO DHARMA CAM 2 (13) là văn bản mang tính cách tôn giáo mà chúng tôi sử dụng để giải thích một số vấn đề liên quan đến phong tục tập quán của người Chăm vào thời điểm đó.

Tất cả những tư liệu viết bằng tiếng Chăm được sử dụng trong công trình nghiên cứu của chúng tôi đã được kê khai trong “Danh mục sách Chăm cổ lưu trữ tại thư viện Pháp” do Viện Viễn Đông Pháp xuất bản vào năm 1997 hay trong “Danh mục sách Chăm cổ lưu trữ tại thư viện Pháp”, tập II do Viện Viễn Đông Pháp xuất bản vào năm 1981. Chính vì nguyên nhân đó mà chúng tôi không nêu ra chi tiết để khảo tả lại nguồn gốc và nội dung của những văn bản Chăm cổ này. Điều mà chúng tôi muốn nêu ra ở đây đó là hầu hết những tư liệu chính thức do chính quyền Champa yêu cầu biên soạn có phong cách trình bày minh bạch hơn, dùng thuật ngữ chính xác hơn so với những ký sự mang tính cách cá nhân. Vì là ký sự cá nhân, thành ra tác giả chỉ chú tâm đến công tác ghi lại biến cố theo trình tự của các sự kiện đã xảy ra hơn là gọt dũa lối hành văn của mình.

Phải công nhận rằng, những văn bản viết bằng tiếng Chăm là kho tàng tư liệu nêu ra rất nhiều chi tiết về những gì đã xảy ra trong vương quốc Champa từ năm 1802 đến năm 1835, trong khi đó biên niên sử Việt Nam chỉ dành một vài trang cho thời kỳ này. Đây cũng là điều rất dễ hiểu, vì những quan lại Việt Nam làm việc trong quốc sử quán của triều đình Huế không có tin tức gì đã xảy ra ở vùng địa đầu xa xôi của người thổ dân, mà chỉ thu thập những gì mà quan lại địa phương của nhà Nguyễn gửi đến. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao những biến cố đã xảy ra tại vương quốc Champa ít khi được ghi chép trong biên niên sử Việt Nam và nội dung của biến cố này đôi lúc bị thêu dệt không phù hợp cho lắm với bối cảnh lịch sử thời đó. Dù có sự khác biệt về nội dung trong hai kho tàng tư liệu Champa và Việt Nam, chúng tôi vẫn nghĩ rằng văn bản viết bằng tiếng Chăm là tư liệu lịch sử có giá trị cao, vì những biến cố và ngày tháng ghi

Nguồn tư liệu

lại trong văn bản này được xác nhận trong biên niên sử Việt Nam.

I. Văn bản viết bằng tiếng Chăm

CAM 29

CAM 29 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO (Viện Viễn Đông Pháp) là bản viết tay trên vở học sinh gồm có 187 trang, viết vào ngày thứ hai, ngày thứ 12 của tháng 11, năm Thân. Người chép tự nhận mình là con của vị Chánh Tổng, cư ngụ tại Palei Cakleng (Mỹ Nghiệp, Ninh Thuận). CAM 29 tập trung 12 bản mang chủ đề khác nhau. Chỉ có bản mang số hiệu CAM 29 (2) trang 15-39 và CAM 29 (4) trang 77-85 có liên hệ với công trình nghiên cứu của chúng tôi.

- CAM 29 (2) trang 15-39 đề cập đến những mối quan hệ chính trị và xã hội giữa Champa và triều đình Huế dưới thời Minh Mệnh. Nội dung của CAM 29 (2) rất gần gũi với nội dung ghi lại trong CAM MICROFILM 17 (1), mà chúng tôi phiên dịch ra tiếng Pháp trong tập II.
- CAM 29 (4) trang 77-85 miêu tả tình hình chính trị ở Champa sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832. Văn bản này còn nhấn mạnh về sự khốn khổ của dân chúng Champa và chính sách Việt Nam hóa mà vua Minh Mệnh áp đặt cho người Chăm vào thời điểm đó.

CAM 30

CAM 30 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên quyển vở học sinh gồm 66 trang. CAM 30 tập trung 19 bản mang chủ đề khác nhau.

- CAM 30 (8), trang 36-37 là bản tóm lược ngắn gọn liên quan đến hệ thống tổ chức chính trị và hành chánh của Champa sau ngày từ trần của Ja Thak Wa (1835).
- CAM 30 (10), trang 37 nêu ra danh sách 12 làng Chăm bị tiêu diệt.

Nguồn tư liệu

- CAM 30 (17), trang 49-53 đề cập đến nguồn gốc khởi nghĩa và mô tả lại hai cuộc tấn công của phong trào kháng chiến Ja Thak Wa chống lại quân viễn chinh của triều đình Huế vào tháng 7 và tháng 10 của năm Ngọ (1834-1835).

CAM 31 (1)

CAM 31 (1) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên giấy Trung Hoa, gồm 100 trang. Đoạn đầu của CAM 31 (1), trang 1-10 nói về nguồn gốc của các thần linh Champa.

CAM 58 (3)

CAM 58 (3) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản chụp gồm 81 trang do P. MUS thực hiện. CAM 58 (3) trang E.11-E.23 do ông Tang Juw (Tổng Juw) chép lại, có nội dung đề cập đến sự vùng dậy của Tuan Phaow vào cuối thế kỷ thứ XVIII vào lúc mà Nguyễn Ánh nắm lại quyền kiểm soát của Panduranga-Champa và sử dụng vương quốc này như một căn cứ quân sự chống lại quân Tây Sơn ở phía bắc.

CAM 60 (3)

CAM 60 (3) trang R.8-R.3 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO có nội dung xác định lại những chi tiết mà CAM 29 (4) đã nêu ra.

CAM 64 (7)

CAM 64 (7), tr. 7v-3v nêu danh sách tên gọi *Ar Bangu* của 4 quốc gia: Champa, Siam, Trung Hoa, Việt Nam

CAM 72 (8)

CAM 72 (8) trang N.59-N.61 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản chụp có nội dung liên quan đến vua chúa Champa trở thành thần linh sau ngày từ trần.

CAM 102 (9)

CAM 102 (9) trang U.1 (1)-V.3 (87) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên lá buông miêu tả

Nguồn tư liệu

ngghi lễ lên chức Gru Kajju có sự hiện diện của vua chúa Champa.

CAM 142 (2)

CAM 142 (2), trang 4, nêu danh sách tên gọi *Ar Bangu* của 4 quốc gia: Champa, Siam, Trung Hoa, Việt Nam

CAM 151 (22)

CAM 142 (2), trang 65, nêu danh sách tên gọi *Ar Bangu* của 4 quốc gia: Champa, Siam, Trung Hoa, Việt Nam

CAM 152(2)

CAM 152(2) trang 49-55 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên vở học sinh, có nội dung rất gần gũi với CAM 31(1).

CAM 167 (6)

CAM 167 (6) trang 36-40. Nhật ký của Cei Mah viết về chính sách của Ja Thak Wa ngăn cấm người Chăm Campuchia sang Champa truyền đạo Hồi Giáo.

CAM 198 (1)

CAM 189 (1) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO gồm có 12 trang viết trên giấy Trung Hoa. Phần thứ nhất đề cập đến nguồn gốc cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat vào năm 1833 dựa vào chủ thuyết “thánh chiến Hồi Giáo” chống lại triều đình Huế. Phần thứ hai có nội dung kể lại cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa sau ngay thất bại của phong trào Katip Sumat.

CAM MICROFILM 1 (3)

CAM MICROFILM 1 (3), phim số 32-42 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO, có nội dung nói về tiểu sử Po Rome.

CAM MICROFILM 14 (3)

CAM MICROFILM 14 (3), phim số 56-62 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO, có nội dung nói về tiểu sử Po Rome.

CAM MICROFILM 16 (1)

Nguồn tư liệu

CAM MICROFILM 16(1), phim số 2-24 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO, đề cập đến cuộc vùng dậy của Tuan Phaow, có nội dung rất gần gũi với CAM 58 (3).

CAM MICROFILM 17 (1) và 17 (2)

CAM MICROFILM 17 (1) “*Ariya Ceng*”, phim số 1-27 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO. Bản này đã dịch sang tiếng Pháp nằm trong tập II của tác phẩm của chúng tôi. CAM MICROFILM 17 (2), phim số 29-30 là gia phả của vua chúa Champa.

CAM MICROFILM 56 (8)

CAM MICROFILM 56 (8) phim số 60-62 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO có nội dung tóm lược về cuộc vùng dậy của Tuan Phaow.

CAM MICROFILM 66

CAM MICROFILM 66 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO. CAM MICROFILM 66 do ông Tổng Khen làng Mbaok Bheng chép lại.

- CAM MICROFILM 66 (1), phim số 7-21 đề cập đến cuộc nổi dậy của Tuan Phaow vào cuối thế kỷ thứ XVIII.

- CAM MICROFILM 66 (2), phim số 23-43 đề cập đến phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat 1833-1834 và cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa vào năm 1834-1835. Nội dung của bản này rất gần gũi với CAM 198 (1).

- CAM MICROFILM 66 (3), phim số 45-57 đề cập đến cuộc trấn áp của triều đình Huế đối với Champa và chính sách Việt Nam hóa đối với dân tộc Chăm sau ngày từ trần của Ja Thak Wa vào năm 1835.

Nguồn tư liệu

- CAM MICROFILM 66 (4), phim số 59-71 viết về thực trạng xã hội Champa vào năm 1835 có nội dung rất gần gũi với CAM MICROFILM 66 (3).

CM 20 (2)

CM 20 (2), trang 70-82 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là tư liệu do ông Hep Ong, Chăm Bani chép lại trên vở học sinh. CM 20 (2) trang 70-80 đề cập đến tình hình Champa vào năm 1822-1832, có nội dung rất gần gũi với CAM MICROFILM 17 (1).

CM 22 (2)

CM 22 (2), trang 5-63 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là tư liệu chép trại trên vở học sinh, ghi lại danh sách của một số vua chúa Champa được tôn vinh thành thần linh mà người Chăm gọi là Ganuer Mantri.

CM 23 (7)

CM 23 (7), trang 80-94 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên vở học sinh, nói về tiêu sử Po Rome.

CM 24 (5)

CM 24 (5), trang 16-171 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên giấy Trung Hoa đề cập đến phong trào Katip Sumat và Ja Thak Wa, có nội dung rất gần gũi với CAM 198 (1).

CM 25 (4)

CAM 25 (4), trang 57-70 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên giấy Trung Hoa, viết về cuộc nổi dậy của Tuan Phaow vào cuối thế kỷ thứ XVIII.

CM 26 (14)

CM 26 (14), trang 14-91 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay đề cập đến sự nổi dậy của Katip Sumat và Ja Thak Wa, có nội dung hơi khác biệt so với bản viết về 2 cuộc nổi dậy này.

Nguồn tư liệu

CM 27 (6)

CM 27 (6), trang 37-38 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay viết về nguồn gốc của Yang Umagru và Yang Ka-esarak và giải thích nhiệm vụ và quyền lực của vua chúa Champa trong hệ thống tổ chức tôn giáo.

CM 29 (1)

CM 29 (1) “*Ariya Po Phaok*”, trang 1-84 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên giấy Trung Hoa. Đây là bản mà chúng tôi đã phiên dịch sang tiếng Pháp trong tập II của tác phẩm.

CM 30 (14)

CM 30 (14), tr. 101-116 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) viết về tình hình Champa dưới thời Po Saong Nyung Ceng.

CM 32

CM 32 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris)

- CM 32 (5), trang 84-77 đề cập đến tình hình Panduranga-Champa vào lúc khởi nghĩa của Ja Thak Wa và những biện pháp của triều đình Huế nhằm trừng trị nhân dân của vương quốc này.
- CM 32 (6), trang 114-100 đề cập đến phong trào của Katip Sumat và Ja Thak Wa, có nội dung rất gần gũi với CM 198 (1).

CM 36 (3)

CM 36 (3) hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris). CM 36 (3), tr. 42-45 liên quan đến bài phúng điếu của Po Gahluw

CHCPI-CAM 1

CHCPI-CAM 1 hiện lưu trữ tại thư viện của Trung Tâm Bán Đảo Đông Dương (CHCPI), là bản chép tay bởi Ja Mata Harei, Ja Yapanrang, Luw Kuang Thrang, Lam Ya Tin, Thuan Wan Nguen được ấn

Nguồn tư liệu

loát bởi Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang vào năm 1968.

Bản này trình bày theo thể thơ Ariya kể lại tình hình chính trị và xã hội của Panduranga-Champa vào năm 1834-1835 và những khốn khổ của dân tộc Champa dưới thời Minh Mệnh.

PO DHARMA CAM 2 (13)

PO DHARMA CAM 2 (13), trang 144-148 là bản chép tay trên giấy Trung Hoa do ông Quảng Ty thôn Chất Thượng Ninh Thuận biếu ngày 14-12-1973, có nội dung rất gần gũi với CAM 31 (1).

II. Tư liệu lịch sử Việt Nam

BẢN TRIỀU BẠN NGHỊCH LIỆT TRUYỆN (BTBNLT)

Dịch sang quốc ngữ bởi Trần Khải Vân, xuất bản bởi đại học Huế, 1961.

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN-NHÀ TÂY SƠN (DNCBLT)

Dịch sang quốc ngữ bởi Tạ Quang Phát, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Sài Gòn, 1970.

ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ (ĐNNTC)

- Gia định thành thống chí. Bản dịch sang tiếng Pháp của G. Aubaret, Paris, 1963.

- Tập trung, tập thượng, tập hạ. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Văn Tạo, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

- Lục tỉnh nam Việt. Tập thượng (Biên Hòa-Gia Định). Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Văn Tạo, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1973.

- Quyển XII: Tỉnh Ninh Thuận, phụ đạo Phanrang. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Văn Hóa Tùng Thư, xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon 1965. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Sử Học, Hà Nội, 1971.

Nguồn tư liệu

- Quyển X-XII: Tỉnh Phú Yên-Khánh Hòa. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Văn Hóa Tùng Thư, xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon, 1964.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN (ĐNTLCB)

- Quyển I-XVI. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Sử Học, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1962-1966.

ĐẠI NAM THỰC LỤC TIỀN BIÊN (ĐNTLTB)

- Quyển I. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Sử Học, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1962.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU (ĐVSKTT)

- Quyển III. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Cao Huy Chú và Đào Duy Anh, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1972.

DƯ ĐỊA CHÍ (DĐC)

- Bản dịch sang quốc ngữ và xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học, Hà Nội 1960. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Trần Tuấn Khải và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Xã Hội, Saigon, 1966.

HOÀNG LÊ NHẤT THÔNG CHÍ (HLNTC)

- Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Đức Văn và Kiều Thu Hoạch, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1972. Bản dịch sang tiếng Pháp bởi Phan Thanh Thủy, EFEO, Paris, 1985.

HOÀNG VIỆT GIÁP TỶ NIÊN BIỂU (HVG TNB)

- Bản dịch sang quốc ngữ bởi Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Hà Văn Liên, Tạ Quang Phát, Trương Bửu Lâm, xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon, 1963.

HÔNG ĐỨC BẢN ĐỒ (HĐBĐ)

- Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Khảo Cổ và xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon, 1972.

KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯỜNG MỤC (KĐVSTGCM)

- Tập III. Bản dịch sang tiếng Pháp bởi P. Langlet, EFEO, 1985.

LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ (LTHCLC)

Nguồn tư liệu

Tập I: Dư Địa Chí. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Thọ Dục và xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

MINH MỆNH CHÍNH YẾU (MMCY)

• Tập I. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Hoàng Du Bông, Hà Ngọc Xuyên và xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

• Tập II. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Vũ Quang Khánh, Võ Khắc Văn và xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

• Tập III. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Võ Khắc Văn, Lê Phúc Thiện và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1972.

• Tập IV. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Đào Vũ Luyện, Hồ Tánh và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1974.

• Tập V. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Hà Ngọc Xuyên, Đào Vũ Luyện và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1974.

• Tập VI. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Hoàng Văn Hòe, Nguyễn Quang Tố và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1974.

MỤC LỤC CHẤU BẢN TRIỀU NGUYỄN (MLCBTN)

Tập I: Triều Gia Long. Tập II: Triều Minh Mệnh. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Đại Học Huế, 1962.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC (PBTŁ)

Tập I và II. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Lê Xuân Giáo, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

PHƯƠNG ĐÌNH DƯ ĐỊA CHÍ (PĐĐĐC)

Bản dịch sang quốc ngữ bởi Ngô Mạnh Nghinh, Saigon, 1962.

QUỐC SỬ DI BIÊN (QSDB)

Tập thượng. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Saigon, 1971

QUỐC TRIỀU CHÁNH BIÊN (QTCB)

Nguồn tư liệu

Nhóm nghiên cứu sử địa, Saigon 1971.

SÃI VÃI (SV)

Nguyễn Cư Trinh với quyền Sãi Vãi. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Lê Ngọc Trụ, Phạm Văn Luật và xuất bản bởi nhà sách Khai Trí, Saigon, 1969.

VIỆT SỬ YẾU (VSY)

Bản dịch sang quốc ngữ bởi Lê Xuân Giáo, Saigon, 1971.

III. Tác phẩm và bài khảo luận khoa học

AYMONIER E.

- *Le Champa et les Chams* (inédit). Fonds de la Société Asiatique de Paris, [1885].

- Grammaire de la langue chame. *Excursions et Reconnaissances*, XIV (31), 1889, trang 5-92.

- Légendes historiques des chams. *Excursions et Reconnaissances*, XIV (32), 1890, trang 145-206.

- Première étude sur les inscriptions tchames. *Journal Asiatique*, XVIII, 1891, trang 5-86.

- *Le Cambodge*. Tomes I, II, III. Paris 1900-1904.

BARTH A. et BERGAIGNE A.

Inscriptions sanscrites de Campa et du Cambodge. Paris, 1893.

BERGAIGNE A.

- L'Ancien royaume de Campa dans l'Indochine, d'après les inscriptions. *Journal Asiatique*, XI, 1888, trang 5-105.

- Voir Barth A. (1893).

BOISSELIER, J.

La statuaire du Champa. Recherches sur les cultes et l'iconographie. Paris (Public. EFEO LIV) 1963.

BOULBET J.

- Le Miir, culture itinérante avec jachère forestière en pays Maa. *BEFEO*, LIII (1), 1966, trang 77-98.

Nguồn tư liệu

- *Pays des Maa'. Domaine des génies. Nggar Maa'. Nggar yaang. Essai d'ethno-histoire d'une population proto-indochinoise du Viêt Nam Central.* Publication de l'EFEO, LXII, 1967.

- Le tragique destin des Maa'. *Etudes Cambodgiennes*. N° 11, 1967, trang 15-21.

BAUDESSON

Au pays des superstitions et des rites chez les Mois et les Chams. Librairie Plon, Paris, 1932.

BỒ THUẬN & NGUYỄN KHẮC NGŨ

Tại sao người Chăm Bani kiêng thịt heo và thịt nhông. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 53, 1960, tr. 978-990.

BULLETIN DU VIETNAM

Vietnam, Numéro spécial, Paris, 1977.

BỬU CẨM

Một đoạn lịch sử Chiêm Thành. Từ Nguyễn Hoàng đến triều Minh Mệnh. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 37, 1958, trang 1246-1249.

BỬU LỘC

L'usure chez les paysans de l'Annam. Paris, 1941.

CABATON A.

- *Nouvelles recherches sur les Chams.* Publication de l'EFEO, II, 1902.

- Notes sur l'islam dans l'Indo-chine française. *Revue du monde musulman*, t. I, 1906, tr. 27-47.

- Les Cham musulmans dans l'Indo-chine française. *Revue du monde musulman*, t. II, 1907, tr. 129-180.

- L'islam dans l'Indo-chine française. *Encyclopédie de l'islam*, 1920, tr. 537-542.

CADIERE L.

Le quartier des arènes. *Bulletin des Amis du Vieux Hue*, N° 4, 1924, trang 307-332.

DELVERT J.

Le paysan cambodgien. Mouton & Co., Paris, 1961.

DUONG TRUNG TINH

Nguồn tư liệu

- La société de prêts mutuels au Vietnam*. Thèse de droit, Paris, 1951.
- CARTE D'INDOCHINE
Vietnam, Cambodia, Laos and Thailand. National Geographic Society, Washington, 1967.
- CASTONNET DES FOSSES H.
Les relations de la Chine et de l'Annam. *Bulletin de la Société Académique Indo-Chinoise*, 1890, trang 205-264.
- CHANDLER D.
Cambodia before the French Politics in a tributary kingdom, 1794-1848. University Microfilm, USA, 1973.
- CHAPPOULLIE H.
Aux origines d'une Eglise. Rome et les missions d'Indochine au XVII^e siècle. Tome I et II, Paris, 1943 et 1948.
- CHEN ZHICHAO
Inventaire des archives en Han. Inventaire des archives du Panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris (pièces en caractères chinois). Travaux du Centre d'Histoire et Civilisations de la Péninsule Indochinoise, Paris, 1984, trang 18-64.
- COEDES G.
Les Etats Hindouisés d'Indochine et d'Indonésie. Paris, 1964.
- COMPANS H. T.
Archives des voyages. Vol. I, Paris, 1840.
- CORDIER G.
Le théâtre annamite. *Revue Indochinoise*, T. XXVII, N. 5-6, 1917, tr. 371-380.
- CỬU LONG & TOAN ANH
Việt Nam chí lược miền thượng cao nguyên. Saigon, 1974.
- ĐẶNG PHƯƠNG NGHỊ
Les institutions publiques du Vietnam au XVII^e siècle. Publication de l'EFEO, Paris, 1969.

Nguồn tư liệu

- DOROHIEM & DOHAMIDE
Dân tộc Chăm lược sử. Saigon, 1965.
- DUONG TRUNG TINH
La société de prêtres mutuels au Vietnam. Thèse de droit. Paris, 1951.
- DUMOUTIER G.
Les Cultes annamites. Shneider, Hanoi, 1907.
- DURAND E.
- Bal canar. *BEFEO*, V, 1905, trang 382-386.
- La déesse des étudiants. *BEFEO*, VI, 1906, tr. 279-290.
- Voir Parmentier H., 1905.
- Les Baseh. *BEFEO*, VII, 1907, trang 313-321.
- DURAND M.
Voir Huard P., 1954.
- FERET M.
Lettre de M. Peret à un missionnaire datée à Nha Ru le 4-2-1964. MEP, Vol. 737.
- FILLASTRE A.
Bois d'aigles et bois d'aloès. *Revue Indochinoise*, I, 1905, tr. 248-263, 310-325.
- FINOT L.
- La religion des chams d'après les monuments. *BEFEO*, I, 1901, trang 12-33.
- Notes d'épigraphie. Stèle de Cambhuvarman à Mi Son. *BEFEO*, III, 1903, trang 206-221.
- Panduranga. *Mélanges Kern*, Leiden, 1903, trang 381-389.
- Notes d'épigraphie: Panduranga. *BEFEO*, III, 1903, trang 630-654.
- Notes d'épigraphie. *BEFEO*, IV, 1904, trang 83-115.
- Notes d'épigraphie: Les inscriptions de Mi Son. *BEFEO*, IV, 1904, trang 897-977.
- Notes d'épigraphie: Nouvelles inscriptions de Po Klaun Girai. *BEFEO*, IX, 1909, trang 205-209.
- FLORY DE

Nguồn tư liệu

- Lettre de M. De Flory à M. Langellerie datée du 28-7-1728.* MEP, Vol. 793.
- GARROS G.
Les usages de la Cochinchine. Saigon, 1905.
- GAULTIER M.
- *Gia Long.* Tome I, Saigon, 1933.
- *Minh Menh.* Tome II, Paris, 1935.
- GENIBREL J.
Dictionnaire annamite-français. 2^o édition. Saigon (sans date).
- GITEAU M.
Histoire du Cambodge. Paris, 1957.
- GOSSELIN Ch.
L'empire du Vietnam. Paris, 1904.
- GOUIN E.
Dictionnaire vietnamien-chinois-français. Saigon, 1957.
- GOUROU P.
Les paysans du delta tonkinois. Etude de géographie humaine. Publi. EFEO, 1936.
- GROUPE DE RECHERCHES CAM
Essai de translittération raisonnée du cam. *BEFEO.* LXIV, 1977, trang 243-225.
- HỒ VĂN ĐÀM
Giống người và gốc tích tỉnh Dar Lac. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 50, 1960, tr. 438-445.
- HUARD P. et DURAND M.
Connaissance du Viêt-Nam. Paris-Hanoi, 1954.
- HUBERT E.
Le clan de l'aréquier. *BEFEO*, V, 1905, trang 170-175.
- HUỲNH KHẮC DỤNG
Hát Bội. Saigon, 1970.
- INDOCHINE
Ouvrage publié sous la direction de M. S. Lévi. Tome I, Paris, 1931.
- KHIN SOK

Nguồn tư liệu

Les chroniques royales du Cambodge de Bana Yat jusqu'à la prise de Lanvek. Thèse de III^o cycle. Paris, 1975.

LAFONT P-B.

- Contribution à l'étude des structures sociales des cham du Viet-Nam. *BEFEO*, LII, 1964, trang 157-172.

- L'agriculture sur brûlis chez les Proto-Indochinois des hauts plateaux du centre Viet-Nam. *Les cahiers d'Outre-Mer*, N^o 77, janvier 1967, trang 36-48.

- *Catalogue des manuscrits cam des bibliothèques françaises* (en collaboration avec Po Dharma et Nara Vija). Publication de l'EFEO, 1977.

- Pour une réhabilitation des chroniques notées en cam moderne. *BEFEO*, LXVII, 1980, trang 105-111.

- Tinjauan tentang perkembangan penelitian cam. *Kerajaan Campa*. Jakarta, 1981, trang 11-27.

LAUNAY A.

- *Histoire ancienne et moderne de l'Annam, Tonkin et Cochinchine depuis l'année 2.700 avant l'ère chrétienne jusqu'à nos jours*. Paris, 1884.

- *Les Missionnaires français au Tonkin*. Paris-Lyon, 1900.

LEBAR F. M., HICKEY G. C., MUSGRAVE J. K.

Ethnic groups of mainland Southeast Asia. New Hawen, 1964.

LÊ HỮU LÊ

Di tích và cổ vật Chiêm Thành tại Bình Thuận. *Sử Địa*, số 19-20, 1970, trang 161-168.

LÊ KIM NGÂN

Tổ chức chính quyền trung ương dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497). Saigon, 1963.

LE N. M.

Les missions étrangères et la pénétration française au Viêt-Nam. Paris-La Haye, 1975.

Nguồn tư liệu

- LE THANH KHOI
Le Viet-Nam. Histoire et Civilisation. Paris, 1955.
- LECLERE A.
Histoire du Cambodge depuis les Ier siècle de notre ère. Paris, 1914
- LEUBA J.
Un royaume disparu. Les Chams et leur art. Paris et Bruxelles, 1923.
- LOUIS-HENARD N.
Phan ke Binh. Vietnam phong tục (Moeurs et coutumes du Vietnam). Publication de l'EFEO, 1975 et 1980.
- LÝ KIM HOA
Vài nhận định tính ngưỡng dân gian Chăm Thuận Hải. *Những vấn đề dân tộc học Việt Nam*, TPHCM, 1978, tr. 67-102.
- LUNET DE LA JONQUIERE E.
Atlas archéologiques de l'Indochine. Monuments du Champs et du Cambodge. Publication de l'EFEO, Paris, 1901.
- LURO E.
Le pays d'Annam. Paris, 1878.
- MADROLLE
Guides Madrolle: Indochine du sud. Hachette, Paris, 1926.
- MAK PHOEUEN
- *Chroniques royales du Cambodge (de 1594 à 1677).* Publication de l'EFEO, Paris, 1981.
- La première intervention militaire vietnamienne au Cambodge. 1658-1659 (En collaboration avec P Dharma). *BEFEO*, LXXIII, 1984, trang 285-318.
- MANNEVILLETTE
Instructions sur la navigation des Indes Orientales et de la Chine. Paris, 1775.
- MANGUIN P.Y.
-*Les Portugais sur les côtes du Viêt-Nam et du Campa. Etude sur les routes maritimes et les*

Nguồn tư liệu

- relations commerciales, d'après les sources portugaises (XVI^e, XVII^e, XVIII^e siècles)*. Publication de l'EFEO, 1972.
- Une relation ibérique du Campa en 1595. *BEFEO*, LXX, 1981, trang 253-269.
- MASPERO G.
Le royaume de Champa. Paris, 1928.
- MASSON A.
Histoire du Viet Nam. Paris, 1972.
- MAYBON Ch. B.
Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820). Etude sur les premiers rapports des Européens et des Annamites et sur l'établissement de la dynastie annamite des Nguyen. Paris, 1920.
- MINH LẠC
Lược sử Việt Nam. Nhà Văn Hóa, 1973.
- MOURA J.
Le royaume du cambodge. Tomes I et II. Paris, 1883.
- MOUSSAY, G.
Dictionnaire cam-vietnamien-fançais. Trung Tâm Văn Hóa Chăm, 1971.
- MUS P.
- *Un aspect du problème Moi: Les plateaux de djiring et de Dalat*. *Anthropologie*, Tome 46, N° 5-6, 1936.
- *Etudes Indiennes et Indochinoises*. IV . Deux légendes chames, in *BEFEO* XXXI (1931), tr. 39-101.
- NARA VIJA
Voir Lafont P-B., 1977.
- NGHIÊM THẨM
- Sơ lược kho tàng chứa bảo vật của vua Chăm. *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, N° 1, 1960, trang 151-166.
- Đi thăm kho tàng của các vua Chăm. *Văn Hóa Nguyệt San*, N° 56, 1960, trang 1359-1366; N° 57, 1960, trang 1567-1575.

Nguồn tư liệu

- Tôn giáo người Chăm tại Việt Nam. *Quê Hương*, N° 32, 1962, trang 215-223; N° 34, 1962, trang 108-123.
- NGUYỄN ĐÌNH DIỆM
 - Đồ Bàn Thành Ký. *Tập San Sử Địa*, N° 19-20, 1970, trang 232-248.
- NGUYỄN KHẮC NGŨ
 - Hỏa táng: Phong tục Chăm. Văn Hóa Nguyệt San, số 23, 1957, tr. 629-633.
 - Khảo cứu lịch Chăm. Văn Hóa Nguyệt San, số 5, 1958, tr. 51-65.
 - Mẫu hệ Chăm. Trình Bày, Saigon, 1967.
- NGUYEN KHAC VIEN
 - Histoire du Vietnam*. Paris, 1974.
- NGUYỄN LÊ THỊ
 - Thư tịch cổ Việt Nam viết về Đông Nam Á. Phần Chiêm Thành, Thủy Xá, Hỏa Xá, Miến Điện, Chava*. Hà Nội, 1977
- NGUYỄN NGỌC HUY
 - Quốc triều hình luật*. Quyển A, Việt Publisher, 1989.
- NGUYEN PHAN QUANG
 - Le mouvement paysan vietnamien dans la première moitié du XIX^e siècle. *Cahiers d'études vietnamiennes*, N° 1981-1982, trang 14-24.
- NGUYEN THANH NHA
 - Tableau économique du Vietnam aux XVII^e siècle et XVIII^e siècle*. Paris, 1970.
- NGUYEN THAN HUAN
 - Inventaire des passages en Nôm. *Inventaire des archives du panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris (pièces en caractères chinois)*. TCHCPI, Paris, 1984, trang 65-72.
- NGUYỄN VĂN ĐIỀU
 - Vài nét về người Chu-ru ở Lâm Đồng. *Dân Tộc Học*, số 3, 1981, tr. 23-31.
- NGUYỄN VĂN LUẬN

Nguồn tư liệu

- Một tập tục của chế độ mẫu hệ Chăm “vào kút”. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 1, 1968, tr. 123-130.
- NGUYỄN VĂN MẠI
Việt Nam phong sử. Phủ Quốc Vụ Khanh, Saigon, 1972.
- NGUYỄN VĂN TỐ
Noms des lieux cam-anamites, *BHIEH*, N. VI, 1943, trang 225-240.
- NHẤT THANH
Đất lề quê thói (Phong tục Việt Nam). Saigon, 1971.
- PARMENTIER H.
- Le trésor des rois chams (en collaboration avec Durand E.), *BEFEO*, V, 1905, trang 1-46.
- *Inventaire descriptif des monuments cam de l'Annam*. Tome I-II. Publication de l'EFEO, 1909 et 1918.
- PASQUIER P.
L'Annam d'autrefois. Paris, 1907.
- PELLIOT P.
- Textes chinois sur Panduranga. *BEFEO*, III, 1903, trang 649-654.
- Deux itinéraires de Chine en Inde à la fin du VIII^e siècle. *BEFEO*, IV, 1904, trang 131-413.
- PETELOT A.
Les plantes médicinales du Cambdge du Laos et du Vietnam. CNRST, Saigon, 1954.
- NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM
Đi tìm địa điểm và di tích hai thành cổ Quang Nam và Phú Yên đầu thế kỷ thứ XVII. *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, N^o 1, 1960, trang 71-96.
- PHẠM VĂN DỐP
Khảo tả thôn Tịnh Mỹ vùng Chăm Thuận Hải. *Những vấn đề dân tộc học ở miền nam Việt Nam*. Tập II, Thành Phố HCM, 1978, trang 185-215.
- PHẠM VĂN SƠN
- *Việt sử tân biên. Nam bắc phân tranh hay là loạn phong kiến Việt Nam*. Tập III, Saigon, 1959.

Nguồn tư liệu

- *Việt sử toàn thư, từ thượng cổ đến hiện đại*. Saigon, 1960.

- *Việt sử tân biên. Từ Tây Sơn Mạt Diệp đến Nguyễn Sơ*. Tập IV, Saigon, 1961.

PHAN KHOANG

Việt sử xứ đàng trong 1558-1777. Cuộc nam tiến của dân tộc Việt Nam. Saigon, 1969.

PHILASTRE P.

Le code annamite. Paris, 1876.

PO DHARMA

- Voir Lafont P-B., 1977.

- *Chroniques du Panduranga*. Thèse de l'EPHE, IV^o section, Paris, 1978 (Xérogaphiée).

- *Complément au catalogue des manuscrits cam des bibliothèques françaises*. Publication de l'EFEO, 1981.

- Notes sur les cam du Cambodge. *Seksa Khmer*, N^o 3-4, 1981, trang 161-183.

- A propos de l'exil d'un roi cam au Cambodge. *BEFEO*, LXXII, 1983, trang 254-266.

- Résumé des passages en cam. *Inventaire des archives du Panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris (pièces en caractères chinois)*. Travaux du Centre d'Histoire et Civilisations de la Péninsule Indochinoise. Paris, 1984, trang 75-95.

- Voir Mak Phoeun, 1984.

- Les frontières du Campa (Dernier état des recherches). *Histoire de frontières de la Péninsule Indochinoise. I.- Les frontières du Vietnam*, L'Harmattan, Paris, 1989, trang 128-135.

- *Akayet Inra Patra (Hikayat Inra Patra = Épopée Inra Patra)*, en collaboration avec G. Moussay et Abd. Karim. Perpustakaan Negara Malaysia & Ecole Française d'Extrême-Orient, Kuala Lumpur, 1997.

QUẢNG ĐẠI CHÍ

Nguồn tư liệu

Ruộng đất của đồng bào Chăm có liên quan đến phong tục và tập quán. *Nội San Panrang*, số 2, 1972, tr. 23-25.

RONDOT P.

Notes sur les cham bani du Binh Thuan (Centre Vietnam). *Extrait de la Revue des Etudes Islamiques 1949*, Paris, 1950.

SCHREINER A.

Les institutions annamites en Basse Cochinchine avant la conquête française. Tome I, Saigon, 1900.

SEPTANS A.

Les commencements de l'Indo-Chine française. Paris, 1887.

SYLVESTRE J.

L'insurrection de Gia Dinh. La révolte de Le Van Khoi (1832-1834). La Revue Indochinoise, Hanoi, 1915, 35 pages.

SOUVIGNET E.

Variétés tonkinoises. Hanoi, 1903.

STEIN R.

Le Lin-Yi. Sa localisation, sa contribution à la formation du Champa et ses liens avec la Chine. Han Hiue, Pékin, 1947.

STERN Ph.

L'art du Champa (ancien Annam) et son évolution. Toulouse, 1942.

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1711 đến 1802. Văn Sử Học, Saigon, 1973.

TAO KIM HAI

L'Indochine française depuis Pigneau de Béhaine. Tours, Mame, 1939.

TISSANIER J.

Relation du voyage du P. Tissanier de la Cie de Jésus depuis la France jusqu'au royaume du Tonkin pendant les années 1658, 1659 et 1660. Paris, 1663.

THAI CONG TUNG

Nguồn tư liệu

- Les principales formations végétales de la plaine de Phanrang*. S. Agro. Vietnam, 1966.
- THIÊN SANH CẢNH
- Đám ma chàm. *Nội San Phanrang*, số 3, 1973, tr. 15-19; số 4, 1973, tr. 5-8.
- Phương pháp tính lịch Chăm. *Nội San Phanrang*, số 3, 1973, tr. 15-19; số 4, 1973, tr. 5-8.
- TOAN ÁNH
Nếp cũ, tín ngưỡng Việt Nam. Nam Chi Tùng Thư, Saigon, 1971.
- TRAN MINH TIET
Histoire des persécutions au Viêt-Nam. Paris, 1961.
- TRẦN TRỌNG KIM
Việt Nam Sử Lược. Quyển II, Saigon, 1971; Hà Nội, 1920
- TRAN VAN CHUONG
Essai sur l'esprit du droit sino-annamite. Paris (Faculté de droit), 1922.
- TRƯƠNG BÁ PHÁT
Lịch sử cuộc nam tiến của dân tộc Việt Nam. *Sử Địa*, N° 19-20, 1970, trang 45-141.
- TRUONG VINH KY
Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine. Vol. I et II, Saigon, 1875 et 1879.
- TỪ NGUYỄN
Cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt Nam. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 43, 1959, tr. 069-091; số 44, tr. 1132-1141.
- WITFIELD D. F.
Historical and cultural dictionary of Viet Nam. Metechen, New York, 1976.
- WINKEL
Les relations de la Hollande avec le Cambodge et la Cochinchine au XVII^e siècle. Excursions et Reconnaissances, XII, 1882.
- VŨ LANG & NGUYỄN KHẮC NGŨ

Nguồn tư liệu

Ảnh hưởng văn hóa Chăm qua Việt Nam. *Văn Hóa
Nguyệt San*, số 26, 1957, tr. 1037-1046.

VŨ VĂN MẪU

Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử. Quyển 1, tập 1, Sài
Gòn, 1973.